

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 5 - 2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Thành

2. Ông Huỳnh Tuấn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 21/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Minh H, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông C, C - H, sinh năm 1965; địa chỉ: E. No 17 lane 41 Namchang 8F lin 6 Shin Chan L city Taipei Hsien Taiwan. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2023, nguyên đơn Trương Thị Minh H trình bày như sau:* Thông qua mai mối, bà và ông C, C - Hsing tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh V vào ngày 11/12/2000. Sau khi kết hôn, bà sang Đài Loan sinh sống cùng ông C, C - H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có con, ông C, C – Hsing thường xuyên uống rượu, bia rồi dùng bạo lực với bà. Do không thể tiếp tục sống chung với ông C, C – Hsing nên năm 2005 bà ra ngoài ở riêng và vợ chồng ly thân. Đến năm 2008, bà về Việt Nam sinh sống và vợ chồng không liên lạc với nhau cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông C, C – H.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn C, C - H:* Ngày 14/7/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có Công văn số 101/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy thác cho

Cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan thực hiện tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông C, C - H. Ngày 09/10/2023 Tòa án đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp, theo công văn số 2425/BTP-PLQT ngày 19/9/2023 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp thì Cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan không thực hiện được ủy thác tư pháp do địa chỉ của ông C, C - Hsing không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị cho bà H được ly hôn với ông C, C - H; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét; bà H phải chịu án phí 300.000 đồng và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C, C - Hsing là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Nguyên đơn Trương Thị Minh H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn C, C - H: Ngày 14/7/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có Công văn số 101/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan thực hiện tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông C, C - H. Ngày 09/10/2023 Tòa án đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp, theo công văn số 2425/BTP-PLQT ngày 19/9/2023 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp thì Cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan không thực hiện được ủy thác tư pháp do địa chỉ của ông C, C - Hsing không đúng.

Ngày 19/3/2024 Tòa án yêu cầu bà H cung cấp địa chỉ chính xác của bị đơn Chang, C - H. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được và yêu cầu Tòa án đăng tin thông báo đối với ông C, C - Hsing trên Đ (VOV5).

Ngày 20/3/2024 Tòa án có công văn số 71/TATND-CV gửi Ban đối ngoại - Đ đề nghị đăng tin thông báo cho bị đơn Chang, C - Hsing 03 lần trong 03 ngày liên tiếp nội dung thông báo cho ông C, C - Hsing đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long dự phiên tòa xét xử vụ án sẽ được mở vào ngày 26/4/2024, nếu ông C, C - Hsing vắng mặt Tòa án sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 07/5/2024 nhưng đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của ông C, C - H và ông C, C - Hsing cũng không có mặt tại phiên xét xử vụ

án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Theo Trích lục kết hôn số 39/TLKH-BS ngày 24/11/2020 thì bà H và ông C, C - Hsing đã đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân tỉnh V ngày 11/12/2000, do đó hôn nhân giữa bà H và ông C, C1 - Hsing là hợp pháp.

Bà H xác định, sau khi kết hôn, bà sang Đài Loan sinh sống cùng ông C, C - H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có con, ông C, C – Hsing thường xuyên uống rượu, bia rồi dùng bạo lực với bà, năm 2005 bà ra ngoài ở riêng và vợ chồng ly thân. Đến năm 2008, bà về Việt Nam sinh sống và vợ chồng không liên lạc với nhau cho đến nay. Xét thấy, bà H và ông C, C – Hsing không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay bà H sống ở Việt Nam còn ông C, C – Hsing sống tại Đài Loan, vợ chồng ly thân từ năm 2005 đến nay. Do bà H và ông C, C – Hsing vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của N làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho bà H ly hôn ông C, C – Hsing là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí: Bà H phải chịu chi phí ủy thác tư pháp, chi phí đăng tin thông báo và án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 19; Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 153; điểm a khoản 2 Điều 227; điểm đ khoản 1 Điều 469; khoản 6 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Minh H.

- Về hôn nhân: cho bà Trương Thị Minh H được ly hôn với ông C, C – H.

- Về con chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bà Trương Thị Minh H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000477 ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Trương Thị Minh H đã nộp đủ.

- Về chi phí tố tụng:

Bà Trương Thị Minh H phải chịu tiền lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000492 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Trương Thị Minh H đã nộp đủ.

Bà Trương Thị Minh H phải chịu chi phí đăng tin thông báo là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), bà H đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBNDT: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Tư